

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3674/CTBNI-TTHT
V/v chi phí làm thêm giờ

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Điện Nissin Việt Nam

Mã số thuế: 2300271149

Địa chỉ: Số 7 đường TS11, KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngày 28/10/2022 Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh nhận được công văn số NEV22-2177 của Công ty TNHH Điện Nissin Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề nghị hướng dẫn quy định về chi phí làm thêm giờ. Vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Điều 107, Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội quy định chi tiết về thời gian làm thêm giờ:

"Điều 107. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

a) Phải được sự đồng ý của người lao động;

b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng;

c) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây:

a) Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản;

b) Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;

c) Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời;



d) Trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất thời vụ, thời điểm của nguyên liệu, sản phẩm hoặc để giải quyết công việc phát sinh do yếu tố khách quan không dự liệu trước, do hậu quả thời tiết, thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, thiếu điện, thiếu nguyên liệu, sự cố kỹ thuật của dây chuyền sản xuất;

đ) Trường hợp khác do Chính phủ quy định.

4. Khi tổ chức làm thêm giờ theo quy định tại khoản 3 Điều này, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

Tại Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định:

"Điều 1. Số giờ làm thêm trong 01 năm

1. Trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi;

b) Người lao động là người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

c) Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

d) Lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 hoặc từ tháng thứ 6 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;

đ) Lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

2. Không áp dụng khoản 1 Điều này đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

Điều 2. Số giờ làm thêm trong 01 tháng

Trường hợp người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm tối đa 300 giờ trong 01 năm có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 40 giờ nhưng không quá 60 giờ trong 01 tháng".

Tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (đã được sửa đổi tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) của Bộ Tài chính hướng dẫn chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

"Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.."

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty do tính chất công việc phải làm thêm giờ nếu được sự đồng ý của người lao động. Khi tổ chức làm thêm giờ Công ty phải thực hiện thông báo bằng văn bản và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì khoản chi làm thêm giờ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, có đầy đủ chứng từ hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Về cách xác định tiền lương làm thêm giờ Công ty căn cứ hướng dẫn tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh hướng dẫn để Công ty biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (phòng Tuyên truyền và Hỗ trợ người nộp thuế - Số điện thoại 0222.3822347) để được hướng dẫn và giải đáp. /!ell

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Cục
- Các Phòng; các CCT thuộc Cục Thuế;
- Trang Web Cục Thuế BN;
- Lưu: VT, TTHT (ntpnghia- 6,20), ^{nghe}

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



CỤC THUẾ
TỈNH BẮC NINH
TỔNG CỤC THUẾ
Nguyễn Hữu Trường